

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 858/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, năm sinh 1985; Địa chỉ: Thôn R, xã Phù C, thị xã S, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Ông Trần Đăng T, năm sinh 1978; Địa chỉ: Trung đoàn 294/F367 Doanh trại Quân đội nhân dân Việt Nam, số 150 đường H, Phường Y, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị B và ông Trần Đăng T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B và ông Trần Đăng T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Khánh N, ngày sinh 31/8/2009 và Trần Thảo N1, ngày sinh 12/12/2018 cho bà Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Đăng T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng (1.250.000 đồng/con/tháng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông Trần Đăng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Trường hợp ông Trần Đăng T chậm trả tiền cấp dưỡng thì ông Toàn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thoả thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.3 Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị B và ông Trần Đăng T tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị B và ông Trần Đăng T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị B tự nguyện chịu toàn bộ được căn trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị B đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0068429 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị B 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu trên.

2.6 Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Đăng T phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân Phường Y, quận A;
- (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 197/2008, quyền số 01/P12 ngày 17/9/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Tuấn Nhu